

**GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

(Công bố theo Mẫu 02 Phụ lục VII Thông tư số 36/2026/TT-BXD
ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Stt	Nhóm nhân công	Tên nhân công (Loại công tác)	Đơn vị tính	Giá nhân công xây dựng (đồng)		
				Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
				Vùng II	Vùng III	Vùng IV
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
I	Nhóm nhân công xây dựng					
1	Nhóm 1	Chuẩn bị mặt bằng, phá dỡ - tháo dỡ, vệ sinh; công tác phục vụ thi công (bốc xếp, vận chuyển, đóng bao, giàn giáo); công tác đất, đá, cát (đào, đắp, bơm, nạo vét, xói hút, vận chuyển và không gồm phá đá bằng nổ mìn).	công	229.200	226.100	219.200
2	Nhóm 2	Thi công cọc, gia cố, khoan tạo lỗ, khoan giám áp, khớp nối, phá đá bằng khoan nổ mìn, bê tông xi măng, lắp đặt cấu kiện bê tông, ván khuôn, cốt thép, bê tông nhựa, xây gạch, đá và các công tác khác chưa được quy định tại nhóm 1, 3 và 4 bảng này.	công	274.500	270.000	268.500
3	Nhóm 3	Lắp đặt hệ thống kỹ thuật công trình; đường ray, gia công lắp dựng kết cấu gỗ, kết cấu sắt thép; cáp thép; trát, ốp, lát, láng, làm trần, mái, sơn, bả; khảo sát xây dựng.	công	284.800	280.200	278.600
4	Nhóm 4	Lắp đặt, tháo dỡ đường dây tải điện và trạm biến áp, thiết bị công nghệ, thông tin, tín hiệu, đo lường, điều khiển, thí nghiệm.	công	313.400	304.700	301.600

II Nhóm nhân công vận hành, điều khiển máy					
1	Nhân công vận hành máy, điều khiển máy	công	320.800	308.800	304.800
2	Lái xe	công	301.000	289.600	285.900
3	Thuyền thủ, thợ máy, thợ điện	công	336.800	332.800	315.000
4	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu sông	công	369.400	356.700	344.300
5	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II tàu biển	công		358.800	346.000
6	Thuyền trưởng, thuyền phó	công	423.400	415.100	400.400
III Nhóm nhân công thực hiện công tác khác					
1	Kỹ sư thực hiện khảo sát, thí nghiệm	công	299.400	297.800	294.100
2	Thợ lặn	công	570.000	549.600	529.600
3	Nghệ nhân	công	540.000	527.000	502.000

*** Ghi chú:**

+ **Khu vực 1:** gồm các phường Phú Lợi, Mỹ Xuyên, Ninh Kiều, Cái Khế, Tân An, An Bình, Thới An Đông, Bình Thủy, Long Xuyên, Cái Răng, Hưng Phú, Ô Môn, Thới Long, Phước Thới, Trung Nhứt, Thốt Nốt, Thuận Hưng, Tân Lộc, Sóc Trăng thuộc **Vùng II** theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ.

+ **Khu vực 2:** gồm các phường Vị Thanh, Vị Tân, Đại Thành, Ngã Bảy, Vĩnh Phước, Vĩnh Châu, Khánh Hòa, Ngã Năm, Mỹ Quới và các xã Tân Long, Phong Điền, Nhơn Ái, Trường Long, Thới Lai, Đông Thuận, Trường Xuân, Trường Thành, Cờ Đỏ, Đông Hiệp, Thạnh Phú, Thới Hưng, Trung Hưng, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trinh, Thạnh An, Thạnh Quới, Hòa Lự, Thạnh Xuân, Tân Hòa, Trường Long Tây, Châu Thành, Đông Phước, Phú Hữu, Vĩnh Hải, Lai Hòa thuộc **Vùng III** theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ.

+ **Khu vực 3:** gồm các xã, phường còn lại thuộc **Vùng IV** theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ/.